

Số: 376 /BC-SNN

Trà Vinh, ngày 15 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động tháng 5, kế hoạch công tác tháng 6 năm 2021

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Tình hình sản xuất nông nghiệp, thủy sản có những thuận lợi như bắt đầu có mưa tương đối đều nên độ mặn không gây gát, nước ngọt dự trữ trong nội đồng cơ bản đáp ứng tốt cho việc sản xuất vụ lúa Hè Thu; giá một số loại nông sản duy trì ở mức cao như: Tôm sú, cua biển, lúa, heo hơi, dừa khô, gà thả vườn; phần lớn các nhiệm vụ chuyên môn thực hiện đạt kế hoạch đề ra; các loại bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi được kiểm soát. Tuy nhiên, cũng có một số khó khăn như: Sau những cơn mưa thường xảy ra nắng nóng làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, tạo điều kiện thuận lợi cho dịch bệnh phát sinh; giá cả một số loại hoa màu, trái cây, tôm thẻ giảm mạnh người sản xuất không có lãi.

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh: Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 01 Quyết định⁽¹⁾ và 05 Kế hoạch⁽²⁾; Ngành đang thực hiện quy trình 06 Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh⁽³⁾.

Ngoài ra, còn trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và phê duyệt Phương án xử lý tài sản động vật là tang vật vi phạm hành chính; xin chủ trương đầu tư: Nạo vét kênh cấp II xã An Trường, huyện Càng Long năm 2021; nạo vét kênh cấp tuyến đường số 1, khu kinh tế

⁽¹⁾ Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 về quy định giá cây trồng để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình Cầu Bến Lộ trên đường Huyện 51, huyện Cầu Kè

⁽²⁾ Ban hành kế hoạch hành động quản lý rác thải nhựa đại dương ngành thủy sản giai đoạn 2020-2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm năm 2021; ban hành giá cây trồng để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình: Kè chống sạt lở bờ sông Cổ Chiên khu vực cù lao ấp Long Trị, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh (giai đoạn 2); Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; thực hiện Chương trình số 13-CTr/TU ngày 26/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phát triển kinh tế nông nghiệp đến năm 2025.

⁽³⁾ Nghị quyết phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Trà Vinh; nghị quyết quy định số lượng, chế độ, chính sách đối với nhân viên thú y xã, phường, thị trấn; Nghị quyết Quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời; Nghị quyết phương án tài chính hỗ trợ bãi chứa đất dự án Nạo vét 18 tuyến kênh thủy lợi phục vụ sản xuất; Nghị quyết chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Định mức chi cho Ban quản lý phòng chống thiên tai các cấp trên địa bàn tỉnh.

Định An, huyện Trà Cú; áp dụng các biện pháp khẩn cấp khắc phục sạt lở đê bao ven sông Cổ Chiên xã Đức Mỹ, huyện Càng Long; ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các phòng, đơn vị chuyên môn trực thuộc Sở thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và báo cáo kết quả thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên đảm bảo thực hiện đúng thời gian quy định và đạt chất lượng theo yêu cầu.

2. Kết quả sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

2.1. Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Diện tích gieo trồng trong tháng 41.292 ha, nâng tổng số được 128.706 ha, đạt 52,32% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 19.036 ha, cụ thể:

- Cây lúa: Trong tháng gieo sạ 37.324 ha; thu hoạch 12.569 ha. Nâng tổng số đến nay gieo sạ 99.758 ha, đạt 51,33% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 18.352 ha; thu hoạch 61.064 ha, chiếm 61,21% diện tích xuống giống, sản lượng 389.114 tấn, đạt 35,88% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 166.070 tấn, cụ thể:

+ Vụ Mùa: Thu hoạch dứt điểm 1.330 ha, đạt 100% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 4,86 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 0,92 tấn/ha), sản lượng 6.471 tấn, thấp hơn cùng kỳ 2.254 tấn⁽⁴⁾.

+ Vụ Đông Xuân: Trong tháng thu hoạch 12.569 ha, nâng tổng số thu hoạch dứt điểm 59.734 ha, đạt 100% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 6,41 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 1,526 tấn/ha). Sản lượng 382.643 tấn, cao hơn cùng kỳ 168.324 tấn⁽⁵⁾.

+ Vụ Hè Thu: Trong tháng xuống giống 37.324 ha, nâng tổng số đến nay xuống giống 38.694 ha, đạt 52,29% kế hoạch (nhanh hơn cùng kỳ 20.008 ha), các giai đoạn sinh trưởng gồm: Mạ 24.335 ha, đẻ nhánh 14.234 ha, đồng trổ 125 ha, hiện lúa đang phát triển tốt, có xuất hiện bệnh đạo ôn và sâu cuốn lá, nhưng mức độ gây hại không đáng kể.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 3.968 ha, nâng tổng số đến nay gieo trồng 28.948 ha, đạt 56,05% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 683 ha, gồm: Màu lương thực 3.312 ha, màu thực phẩm 16.424 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 9.211 ha.

- Theo dõi hệ thống giám sát côn trùng thông minh và các điểm dự báo sâu bệnh trên cây lúa; kiểm tra, khảo sát tình hình sâu đầu đen hại dứa và các loại cây trồng khác, kịp thời thông báo, hướng dẫn nông dân phòng trị; kết hợp địa phương xây dựng, thông báo lịch xuống giống vụ Hè Thu; tuyên truyền, vận động nông dân cày ải, vệ sinh đồng ruộng xuống giống lúa vụ Hè Thu theo lịch thời vụ tại Thông báo số 145/TB-SNN ngày 02/4/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; kết hợp Cục thống kê tỉnh khảo sát, đánh giá năng suất lúa vụ Đông Xuân; tổ chức điều tra, tổng hợp báo cáo giá thành sản xuất lúa vụ Đông Xuân 2020-2021; thẩm định, cấp 15 chứng nhận đủ điều kiện mua bán phân bón; thẩm định cấp mới và cấp lại 27 giấy chứng nhận đủ điều kiện mua bán thuốc bảo vệ thực vật.

⁽⁴⁾ Diện tích gieo trồng chỉ đạt 58% so cùng kỳ, nên sản lượng giảm.

⁽⁵⁾ Cùng kỳ vụ Đông Xuân bị thiệt hại do xâm nhập mặn

2.2. Chăn nuôi, thú y

Bệnh Dịch tả heo Châu phi (DTHCP), Lở mồm long móng (LMLM), Đại chó mèo và Cúm gia cầm cơ bản được kiểm soát.

Thực hiện công tác vận động tiêm phòng LMLM 9,6 ngàn con gia súc, vận động hộ chăn nuôi tiêm phòng Cúm gia cầm 172,7 ngàn con, Đại chó 2.439 liều, Tai xanh heo 1,05 ngàn liều, các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 57,6 ngàn liều và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 342,5 ngàn liều. Nâng tổng số đến nay tiêm phòng LMLM 58,2 ngàn con gia súc, vận động hộ chăn nuôi tiêm phòng Cúm gia cầm 825,5 ngàn con, Đại chó 9.122 liều, Tai xanh heo 3,55 ngàn liều, các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc trên 236 ngàn liều và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 1,29 triệu liều.

Kết quả thực hiện Tháng hành động vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường Đợt 1/2021 được 63.626 hộ, diện tích 3.029.402 m², sử dụng 2.338 lít hóa chất.

Kiểm dịch xuất, nhập tỉnh 18.371 con heo; 2.095 con trâu, bò; 149.762 con gia cầm; 73,9 tấn sản phẩm động vật. Nâng tổng số đến nay kiểm dịch xuất, nhập tỉnh 83.609 con heo; 9.798 con trâu, bò; 752.860 con gia cầm; 311,7 tấn sản phẩm động vật.

2.3. Lâm nghiệp

Trong tháng tổ chức 110 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện và xử lý 02 trường hợp vi phạm (02 vụ phá rừng trái pháp luật); cấp 02 mã số cho cơ sở gây nuôi động vật hoang dã và 05 bảng kê xuất bán động vật hoang dã. Nâng đến nay đã tổ chức 562 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện và xử lý 13 trường hợp vi phạm theo qui định; cấp 16 mã số cho cơ sở gây nuôi động vật hoang dã và 08 bảng kê xuất bán động vật hoang dã. Xây dựng Phương án tận thu rừng Đước, Phi lao chết tại xã Long Khánh, Đông Hải (huyện Duyên Hải) và xã Trường Long Hòa (thị xã Duyên Hải).

Phối hợp với Công ty TNHH MTV XH MangLub Việt Nam trồng 22 ha rừng phòng hộ và thâm định kế hoạch trồng rừng bổ sung 20 ha tại huyện Châu Thành và huyện Duyên Hải; hoàn tất thủ tục trồng cây Gõ nước tại xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải; tổ chức chăm sóc 282,714 ha rừng. Triển khai kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2021, vệ sinh 26,8 ha rừng Phi lao, nâng đến nay đã vệ sinh 254,3 ha rừng phi lao; Kiểm tra cây Bần giống hiện cây phát triển tốt, nhà thầu chuẩn bị thi công Phương án trồng rừng thay thế khi chuyên mục đích sử dụng rừng sang thi công các công trình: Xây dựng Nhà máy sản xuất gạch ngói không nung cao cấp Duyên Hải; xây dựng Khu du lịch tham quan nghỉ dưỡng Ba Động; xây dựng đường dẫn vào Trại nghiên cứu tạo ra tôm sú bố mẹ sạch bệnh phục vụ cho các trại sản xuất giống ở tỉnh Trà Vinh, diện tích 3,08 ha.

2.4. Thủy sản: Trong tháng, thu hoạch 21.400 tấn (sản lượng nuôi 15.232 tấn, sản lượng khai thác 6.168 tấn). Nâng tổng số đến nay thu hoạch 79.887 tấn (sản lượng nuôi 48.034 tấn, sản lượng khai thác 31.853 tấn), đạt 33,63% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 7.771 tấn, cụ thể:

a) *Nuôi trồng thủy sản*: Thả nuôi 6.469 ha, thu hoạch 15.232 tấn (5.764 tấn cá lóc, 998 tấn tôm sú, 6.370 tấn tôm thẻ chân trắng,...). Nâng tổng số đến nay đã thả nuôi 34.488 ha, thu hoạch 48.034 tấn (17.980 tấn cá lóc, 4.076 tấn tôm sú, 16.453 tấn tôm thẻ chân trắng,...), đạt 30,36% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 8.285 tấn, trong đó:

- Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 179 triệu con tôm sú giống, diện tích 2.736 ha; 659,5 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 810 ha; 9,7 triệu con cua biển, diện tích 2.534 ha; thu hoạch 8.027 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 959,6 triệu con tôm sú giống, diện tích 15.581 ha; 2,8 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 3.483 ha; 127,7 triệu con cua biển, diện tích 14.199 ha; thu hoạch 23.277 tấn (cao hơn cùng kỳ 6.342 tấn). Tuy nhiên, do đầu vụ, môi trường ao nuôi chưa ổn định, chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn, làm cho 105 triệu con tôm sú (chiếm 10,9% lượng con giống thả nuôi), diện tích 539 ha và 318 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 11,3% lượng con giống thả nuôi), diện tích 388 ha mới thả nuôi bị thiệt hại, chủ yếu là do bệnh đốm trắng, hoại tử gan tụy và vi bào tử trùng.

- Vùng nước ngọt: Thả nuôi 32,9 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 388,9 ha; thu hoạch 7.206 tấn. Nâng tổng số đến nay đã thả nuôi 74,48 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 775,2 ha (cá lóc 40,58 triệu con, diện tích 93,45 ha); thu hoạch 24.757 tấn (cao hơn cùng kỳ 1.943 tấn).

Kiểm dịch 147,94 triệu con tôm giống (138,8 triệu con thẻ chân trắng, 9,14 triệu con tôm sú). Nâng tổng số đến nay đã kiểm dịch 523,9 triệu con tôm giống (480,3 triệu con tôm thẻ chân trắng, 43,68 triệu con tôm sú).

b) *Thủy sản khai thác*: Toàn tỉnh 1.141 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 148.897 CV, tăng 232 CV (262 tàu có chiều dài từ 15 m trở lên), ngành phối hợp với Bộ đội Biên phòng tỉnh hỗ trợ ngư dân lắp đặt thiết bị giám sát hành trình cho 172 tàu (giảm 01 tàu do bán sang tỉnh khác); cấp phát, hướng dẫn ghi nhật ký khai thác 176 tàu cá, góp phần đưa sản lượng khai thác đạt 6.168 tấn (850 tấn tôm). Nâng tổng số đến nay sản lượng khai thác 31.853 tấn (2.847 tấn tôm), đạt 40,13% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 514 tấn, trong đó: Khai thác nội đồng 3.174 tấn (447 tấn tôm) giảm 7,95% (hay giảm 274 tấn). Do lượng nước trong nội đồng thấp, ảnh hưởng đến khả năng sinh sản và phát triển các loài thủy sản nên sản lượng nội đồng giảm; thời tiết thuận lợi cho tàu ra khơi bám biển nên sản lượng khai thác hải sản đạt 28.679 tấn (2.400 tấn tôm) giảm 0,83% (hay giảm 240 tấn so cùng kỳ).

c) *Thu mua, chế biến*: Các doanh nghiệp thu mua 500 tấn tôm (17 tấn tôm sú, 483 tấn tôm thẻ chân trắng), chế biến 370 tấn, tiêu thụ 223 tấn, kim ngạch xuất khẩu 2,71 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 1.889 tấn tôm (tôm sú 47 tấn, tôm thẻ 1.841 tấn), chế biến 2.123 tấn, tiêu thụ 1.056 tấn, kim ngạch xuất khẩu 10,59 triệu USD.

2.5. Phát triển nông thôn

a) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố lồng ghép, tuyên truyền 640 cuộc cho 10.240 lượt người dự, công nhận 1.511 hộ, 06 ấp đạt chuẩn gia đình

văn hóa, nông thôn mới. Nâng tổng số đến nay lồng ghép, tuyên truyền 1.609 cuộc, 28.570 lượt người dự, công nhận 210.877 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới (chiếm 91,65% số hộ phát động), 596 ấp đạt chuẩn ấp văn hoá, ấp nông thôn mới (chiếm 92,98%), (trong đó có 02 ấp nông thôn mới kiểu mẫu (ấp Nhứt xã Tân Hùng, ấp Đại Mông xã Phú Cần)).

- Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí: Có 69 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 81,2% số xã); 07 xã đạt từ 15-18 tiêu chí (chiếm 8,23%), 09 xã đạt từ 10-14 tiêu chí (chiếm 10,59%); 05 đơn vị cấp huyện (Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh) được công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; 08 xã có quyết định công nhận xã nông thôn mới nâng cao (Long Đức, thành phố Trà Vinh; xã Tân Hùng, Phú Cần, Tân Hòa huyện Tiểu Cần; Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang; Thạnh Phú, Ninh Thới, huyện Cầu Kè), đồng thời đang thẩm định 02 xã (An Trường, Nhị Long Phú, huyện Càng Long) đạt xã nông thôn mới nâng cao.

b) Ngành nghề và chương trình OCOP

- Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện phương án thu hồi vốn thuộc dự án hỗ trợ Phát triển sản xuất và đa dạng hóa sinh kế các xã ngoài Chương trình 30a, Chương trình 135 năm 2018 (xã Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang).

- Chương trình OCOP: Tham gia sự kiện kết nối sản phẩm OCOP với du lịch tại thành phố Phú Quốc; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm OCOP năm 2021. Xây dựng Kế hoạch phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về xây dựng đời sống văn hóa, phát triển du lịch nông thôn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025; Giấy chứng nhận và Quyết định của Cục Sở hữu Trí tuệ nhãn hiệu sản phẩm OCOP năm 2020 cho các tổ chức, cá nhân có sản phẩm đạt chuẩn OCOP trên địa bàn tỉnh; Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cơ sở tham gia Chương trình OCOP năm 2021. Tổ chức lấy ý kiến của các Sở, ban ngành và địa phương về Đề cương dự án Chương trình OCOP giai đoạn 2021 – 2025.

c) Kinh tế hợp tác:

- Hỗ trợ các địa phương thành lập mới 05 HTX NN. Nâng tổng số đến nay, trên địa bàn tỉnh có 122 HTX nông nghiệp đang hoạt động và 01 liên hiệp HTX, 18 HTX ngưng hoạt động. Qua rà soát địa bàn tỉnh có 2.030 THT nông nghiệp với 40.775 tổ viên (bình quân có khoảng 18-20 thành viên/tổ); tổ chức 03 lớp tập huấn thành lập mới THT, 04 lớp củng cố HTX và 06 lớp tuyên truyền các chính sách về Bảo hiểm nông nghiệp; báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Quyết định số 445/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tổng hợp rà soát đánh giá, phân loại HTX theo Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT: Hiện ngành đang phối hợp với địa phương xây dựng kế hoạch nâng chất tiêu chí cho 13 HTX kiểu mới và nhân rộng mô hình giai đoạn 2021 - 2025.

- Hoàn chỉnh Kế hoạch phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với Liên minh Hợp tác xã tỉnh; lấy ý kiến các Sở ban ngành dự thảo đề cương Đề án phát triển HTX gắn với chuỗi giá trị giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh

- Thực hiện Nghị định 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ về liên kết tiêu thụ sản phẩm. Ngành đang tham mưu soạn thảo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi gắn với tổ chức lại sản xuất về tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; tiếp tục phối hợp với địa phương kêu gọi doanh nghiệp, HTX tham gia liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm.

d) *Bố trí dân cư*: Phối hợp với Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật 02 dự án: Dự án di dân xã Đại Phước, huyện Càng Long (giai đoạn 2), Dự án di dân ấp cò Phụng xã Long Hòa, huyện Châu Thành; đồng thời, đôn đốc đơn vị thiết kế hoàn chỉnh hồ sơ điều chỉnh thiết kế kỹ thuật.

đ) *Chương trình nước sạch*: Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường theo Công văn số 2136/BNN-TCTL ngày 13/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như: Treo băng gol tuyên truyền hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường năm 2021 tại các đội, trạm cấp nước trên địa bàn toàn tỉnh và thực hiện trồng cây xanh tạo cảnh quan môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp” tại xã Đức Mỹ, huyện Càng Long; lắp pano tuyên truyền tại 08 xã nông thôn mới nâng cao; tiếp tục khai thác, quản lý và vận hành 120 trạm cấp nước hiện có; Thực hiện đề án 712 đến nay thực hiện hoàn thành, giải ngân 100% khối lượng; Phối hợp với Tổ chức SPIR khảo sát tình trạng vệ sinh, nước sạch và nhu cầu hỗ trợ đường ống nước trên địa bàn huyện Cầu Ngang, qua khảo sát có 411 hộ có nhu cầu hỗ trợ lắp đặt đồng hồ nước (tại xã Kim Hòa, Hiệp Hòa, Hiệp Mỹ Tây và Nhị Trường, huyện Cầu Ngang, ngành đang lập dự toán kinh phí chi tiết gửi Tổ chức SPIR để thực hiện các bước tiếp theo); Đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, chuẩn bị mời thầu gói xây lắp công trình Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hiệp Hòa, huyện Cầu Ngang. Trong tháng, lắp đặt cho 1.164 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đến nay đã cung cấp cho 143.065 hộ sử dụng nước máy.

3. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

3.1. Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

Công tác thủy lợi nội đồng: Tổ chức nạo vét 286 công trình, chiều dài 202.608 m, khối lượng đào đắp 469.227 m³. Nâng tổng số đến nay trên địa bàn tỉnh đã nạo vét 612 công trình (đạt 89,9% kế hoạch), chiều dài 433.064 m với khối lượng 1.220.816 m³.

Phối hợp với Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi kiểm tra, vận hành công kiểm soát mặn, xô phèn và tích trữ nước ngọt ở những nơi có điều kiện, ngăn triều cường phục vụ sản xuất (*hiện mực nước trong nội đồng dao động từ 0,48 m đến 0,70 m đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp*).

Chuẩn bị nghiệm thu 03 công trình hoàn thành⁽⁶⁾; xin phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu 01 công trình⁽⁷⁾; chuẩn bị ký hợp đồng thẩm tra 01 công

⁽⁶⁾Công trình Duy tu, bảo dưỡng tuyến đê Nguyễn Văn Phò – Tổng Long đạt 100% giá trị hợp đồng; Công trình Khắc phục khẩn cấp vị trí sụp lún công trình Kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải đạt 100% giá trị hợp đồng; Công trình Duy tu, bảo dưỡng tuyến đê Nguyễn Văn Phò - Tổng Long đạt 100% giá trị hợp đồng.

trình⁽⁸⁾; 03 công trình đang thi công⁽⁹⁾. Tổ chức 19 đợt kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, kè, các công trình qua đê, phát hiện 07 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê điều. Nâng đến nay đã tổ chức 70 đợt kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, kè, các công trình qua đê, phát hiện 12 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê điều đã lập biên bản xử lý, đồng thời chủ hộ cam kết sẽ tự di dời và không yêu cầu bồi hoàn khi nhà nước có nhu cầu giải phóng mặt bằng để phục vụ công tác duy tu, bảo dưỡng đê điều.

3.2. Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi và triển khai thực hiện 23 dự án (21 dự án chuyển tiếp từ năm 2020 sang và 02 dự án 2021), gồm: 02 công trình phục vụ nuôi thủy sản, 09 công trình đê kè, 12 công trình dân dụng; giải ngân vốn 2021 là 99,98 tỷ đồng, đạt 20% kế hoạch.

3.3. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm (ATTP), quản lý tàu cá, cảng cá và thanh tra, kiểm tra.

Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP: Thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP 08 cơ sở (01 cơ sở loại A, 07 cơ sở loại B); cấp 03 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP; thu 18 mẫu nông, thủy sản phân tích chỉ tiêu ATTP. Nâng tổng số đến nay đã hướng dẫn, tiếp nhận 08 cơ sở ký bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn; tổ chức 01 lớp tập huấn, triển khai các quy định pháp luật về công tác quản lý ATTP, thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP 51 cơ sở (14 cơ sở loại A, 37 cơ sở loại B); cấp 20 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP; 07 giấy chứng nhận xuất xứ nguyên thể hai mảnh vỏ và 20 giấy xác nhận kiến thức về ATTP; thu 214 mẫu (122 mẫu thủy sản, 92 mẫu nông sản) phân tích chỉ tiêu ATTP.

Quản lý tàu cá, cảng cá: Kiểm tra an toàn kỹ thuật 02 tàu cá; cấp 04 giấy phép khai thác thủy sản, chứng nhận 68 tấn thủy sản khai thác xuất khẩu; tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 1.581 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 140 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng, dịch vụ cảng với số tiền 118,6 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay đã kiểm tra an toàn kỹ thuật 40 tàu, cấp 30 giấy phép khai thác thủy sản, chứng nhận 321,2 tấn thủy sản khai thác xuất khẩu; tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 5.373 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 4.909 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng, dịch vụ cảng với số tiền 559,4 triệu đồng. Kết hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh và địa phương đảm bảo an ninh trật tự khu vực Cảng cá Láng Chim và Cảng cá Định An; chuẩn bị tốt nhất các điều kiện, sẵn sàng hỗ trợ ngư dân đưa tàu về nơi neo đậu an toàn khi xảy ra mưa bão; hướng dẫn 172 tàu được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá, chiếm 66% số tàu khai thác xa bờ.

Công tác thanh tra, kiểm tra: Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp đối với 234 cơ sở kinh doanh ATTP, phân bón,

⁽⁷⁾Công trình khắc phục khẩn cấp hư hỏng tuyến đê bao ngăn triều cường ven sông Đa Lộc, ấp Ba Tiêu, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành.

⁽⁸⁾Công trình Khắc phục khẩn cấp sạt lở đoạn đê Tả Hữu sông Cổ Chiên ấp Rạch Giồng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành

⁽⁹⁾Công trình Nâng cấp, sửa chữa cầu Xếp Phụng qua đê Hữu sông Cổ Chiên, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; Tiến độ đạt 25% giá trị hợp đồng; Công trình Khắc phục khẩn cấp tình trạng sụp lún, hư hỏng đê bao Xẻo Ngây ven sông Hậu, khóm IV, thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh; Công trình Khắc phục sạt lở khẩn cấp đê bao ven sông hậu ấp Xoài Rùm, xã Kim Sơn, huyện Trà Cú.

thuốc BVTV và tuần tra, kiểm tra rừng, kiểm soát lâm sản; thu 67 mẫu vật tư nông nghiệp, thực phẩm; phát hiện, xử lý 11 trường hợp theo quy định. Nâng tổng số đến nay đã thanh tra, kiểm tra 770 cơ sở kinh doanh ATTP, phân bón, thuốc BVTV, thức ăn và sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản và tuần tra, kiểm tra rừng, kiểm soát lâm sản; thu 216 mẫu vật tư nông nghiệp, thực phẩm; phát hiện, xử lý 49 trường hợp theo quy định.

3.4. Công tác khuyến nông và công tác giống

a) Công tác khuyến nông:

- Tổ chức 30 lớp tập huấn với nội dung: “Kỹ thuật: Trồng hành tím, trồng ớt, trồng và chăm sóc cây nhãn, kỹ thuật ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ vào sản xuất lúa; chăn nuôi bò sinh sản, phòng và trị bệnh lở mồm long móng, biện pháp phòng trị một số bệnh thường gặp trong chăn nuôi bò; nuôi và phòng, trị bệnh trên gà; nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh 2 giai đoạn ứng dụng công nghệ 4.0 kết hợp hầm Biogas xử lý môi trường, nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh mật độ cao” có 900 người dự; tư vấn trực tiếp 1.560 hộ về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; 01 phóng sự; 01 cuộc tọa đàm; cấp phát 1.081 tờ bướm kỹ thuật các loại; thực hiện 5 mô hình trình diễn từ nguồn vốn sự nghiệp, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và 04 mô hình thuộc nguồn vốn ICRSL. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 122 lớp tập huấn kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và giải pháp phòng chống hạn, mặn có 3.660 người dự; tư vấn trực tiếp 2.515 lượt hộ về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; 02 phóng sự; 03 cuộc tọa đàm; cấp phát 5.018 tờ bướm kỹ thuật các loại; tiếp tục thực hiện 5 mô hình trình diễn từ nguồn vốn sự nghiệp, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và 04 mô hình thuộc nguồn vốn ICRSL.

b) Công tác giống:

- Giống cây trồng: Tiếp tục phối hợp thực hiện đề tài “Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nhân giống cam sành không hạt chất lượng cao” hiện đang chăm sóc cây gốc ghép vô bầu, cây phát triển tốt; chăm sóc cây quýt đường S₀ từ Viện cây ăn quả; cung cấp 13 tấn lúa giống, 3.395 cây giống các loại.

- Giống thủy sản: Thực hiện Đề tài “Xây dựng qui trình sản xuất giống của biển tại tỉnh Trà Vinh” đã thực hiện xong giai đoạn 1 (bàn giao 500.000 con của giống để thực hiện mô hình), tiếp tục thực hiện giai đoạn 2. Xuất bán 1,42 triệu con giống tôm càng xanh, 2,4 triệu con post tôm sú; tiếp tục chăm sóc 01 triệu ấu trùng tôm càng xanh.

4. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 thị trường tiêu thụ nông sản khó khăn, hầu hết các loại trái cây không xuất khẩu được nên giá giảm sâu.

Giá mía nguyên liệu duy trì ở mức thấp trong nhiều năm nên nông dân không mở rộng diện tích; giá tôm thẻ, cá tra và cá lóc duy trì ở mức thấp trong thời gian dài nên diện tích thả nuôi không nhiều.

Một số địa phương đã tuyên truyền, vận động người nuôi chủ động tiêm phòng vắc xin cho đàn vật nuôi, nhưng người dân chưa thật sự chủ động tiêm phòng nên tỷ lệ tiêm phòng cho đàn vật nuôi đạt thấp, chưa bảo hộ được đàn vật

nuôi, một số hộ chưa thực hiện tiêu độc khử trùng theo quy định, mầm bệnh tồn lưu ngoài môi trường là những điều kiện thuận lợi để dịch bệnh phát sinh.

Môi trường ao nuôi tôm chưa ổn định, sau cơn mưa thì xảy ra nắng nóng gây gắt làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, tạo điều kiện thuận lợi cho dịch bệnh phát sinh.

Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp nông thôn còn chậm, chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu còn hạn chế, diện tích chuyển đổi từ đất trồng lúa sang các loại cây trồng khác đạt thấp.

II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 6

1. Công tác tham mưu chỉ đạo điều hành

Hoàn chỉnh lại trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Tiếp tục thực hiện quy trình xây dựng 06 Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh⁽¹⁰⁾; trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 02 Quyết định⁽¹¹⁾ và 06 kế hoạch⁽¹²⁾; tiếp tục chỉ đạo sản xuất, phòng chống dịch bệnh trên các loại cây trồng, vật nuôi và thủy sản.

Tham mưu xây dựng hoàn chỉnh, trình phê duyệt và tổ chức thực hiện 05 Đề án⁽¹³⁾.

2. Chỉ đạo sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn

2.1. Trồng trọt và bảo vệ thực vật

a) *Cây lúa*: Chỉ đạo đơn vị chuyên môn kết hợp địa phương tuyên truyền, hướng dẫn nông dân xuống giống lúa vụ Hè Thu dứt điểm vào ngày 15/6/2021 (theo Thông báo số 145/TB-SNN ngày 02/4/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; hướng dẫn nông dân bón phân cân đối để cây lúa khỏe, có khả năng chống chịu sâu bệnh, đảm bảo năng suất theo kế hoạch. Tiếp tục khuyến cáo nông dân chuyển đổi diện tích đất trồng lúa sang các loại cây trồng khác hoặc kết hợp nuôi thủy sản; cải tạo vườn cây ăn trái, vườn dừa kém hiệu quả, cải tạo vườn tạp và giống tạp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

⁽¹⁰⁾ Nghị quyết phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Trà Vinh; nghị quyết quy định số lượng, chế độ, chính sách đối với nhân viên thú y xã, phường, thị trấn; Nghị quyết Quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời; Nghị quyết phương án tài chính hỗ trợ bãi chứa đất dự án Nạo vét 18 tuyến kênh thủy lợi phục vụ sản xuất; Nghị quyết chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Định mức chi cho Ban quản lý phòng chống thiên tai các cấp trên địa bàn tỉnh.

⁽¹¹⁾ Quyết định ban hành hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định ban hành bộ tiêu chí tạm thời xác định các sản phẩm nông sản chủ lực cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

⁽¹²⁾ Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2026; Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi gắn với tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch phòng, chống một số bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi, giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch hành động quản lý rác thải nhựa đại dương ngành thủy sản giai đoạn 2020-2030; Kế hoạch quan trắc môi trường và thu mẫu giám sát dịch bệnh động vật thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch triển khai Đề án Tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y các cấp, giai đoạn 2021-230

⁽¹³⁾ Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025; Đề án phát triển mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và Đề án phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án rà soát hệ thống công trình thủy lợi phục vụ phân vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong điều kiện biến đổi khí hậu; Đề án điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh

b) *Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác*: Tập trung đẩy mạnh việc đưa cây màu luân canh trên đất trồng lúa; đẩy mạnh phát triển các loại cây màu chủ lực thành các vùng sản xuất tập trung, áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình sản xuất tốt, hữu cơ, sạch, đảm bảo an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường tiêu thụ và gắn với các doanh nghiệp thu mua sơ chế, chế biến và tiêu thụ nông sản.

Xây dựng, theo dõi các điểm dự báo sâu bệnh trên các loại cây trồng, kịp thời thông báo, hướng dẫn nông dân phòng trị, nhất là một số bệnh phổ biến trên lúa, hoa màu, cây ăn trái. Tiếp tục kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn nông dân phòng trị sâu đầu đen hại dứa khi xuất hiện, không ảnh hưởng đến sản xuất.

2.2. Chăn nuôi và thú y

Tăng cường giám sát tình hình dịch bệnh và tuyên truyền sâu rộng về nguy cơ bùng phát dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt là bệnh LMLM gia súc, Đại chó, mèo, DTHCP và Cúm gia cầm để có hướng xử lý kịp thời; vận động các hộ chăn chủ động tiêm phòng cho đàn vật nuôi và thực hiện tiêu độc khử trùng theo quy định để bảo hộ cho đàn vật nuôi đặc biệt là trong thời điểm giao mùa; thực hiện kiểm soát giết mổ tại cơ sở giết mổ tập trung; tổ chức tuyên truyền, tập huấn phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản; xây dựng 02 cơ sở an toàn dịch bệnh Cúm gia cầm ở xã Tân An, huyện Càng Long và xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần. Duy trì và quản lý cơ sở an toàn dịch bệnh Đại tại phường 2 và phường 3, thành phố Trà Vinh. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động người dân thực hiện tái đàn heo theo hướng an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, buôn bán và sử dụng thuốc thú y, kịp thời ngăn chặn, không để xảy ra tình trạng lạm dụng thuốc kháng sinh và các chất tăng trọng trong chăn nuôi.

2.3. Thủy sản

Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 3746/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh. Hoàn tất các thủ tục xây dựng Đề án Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh làm cơ sở cho việc xác định hạn ngạch cấp giấy phép khai thác hải sản nhằm giải quyết dứt điểm việc gỡ “Thẻ vàng” của EC; đẩy mạnh, khuyến khích phát triển khai thác hải sản xa bờ gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, bảo vệ chủ quyền biển đảo, giảm khai thác thủy sản nội đồng, vùng cửa sông và hải sản gần bờ nhằm tái tạo lại nguồn lợi thủy sản.

Khuyến cáo người nuôi tôm thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, môi trường, dịch bệnh, độ mặn thích hợp thì thả nuôi theo hình thức thâm canh, thâm canh mật độ cao và bán thâm canh; tăng cường cán bộ chuyên môn trực tiếp theo dõi địa bàn để tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho người nuôi thủy sản ở các vùng trọng điểm. Triển khai thực hiện thu mẫu giám sát dịch bệnh ở các ao nuôi tôm trên địa bàn huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, Châu Thành, Trà Cú và thực hiện quan trắc môi trường nước, thu mẫu giáp xác phân tích mầm bệnh sau đó thông báo trên Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh để nông dân quản lý ao nuôi.

2.4. Lâm nghiệp

Triển khai thực hiện: Kế hoạch trồng bảo tồn cây Gỗ nước tại xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải; trồng rừng thay thế các công trình chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và Dự án Chương trình 01 tỷ cây xanh. Tiếp tục thực hiện tốt phương án chuyển đổi rừng phòng hộ sang rừng sản xuất; quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh; trực phòng cháy chữa cháy rừng, kiểm tra công tác vệ sinh phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2021; thực hiện giao khoán, bảo vệ và trồng rừng theo kế hoạch; tổ chức tuyên truyền, tập huấn về phòng cháy, chữa cháy rừng, Luật lâm nghiệp và các văn bản liên quan; thường xuyên tuần tra, quản lý bảo vệ rừng; kiểm soát lâm sản và quản lý động vật hoang dã.

2.5. Phát triển nông thôn

a) *Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới*: Xây dựng mới các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 (Khi Trung ương ban hành văn bản mới); xây dựng Kế hoạch chung sức xây dựng NTM của ngành nông nghiệp; xây dựng kế hoạch của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào toàn dân đăng ký xây dựng đời sống văn hóa năm 2021; bỏ phiếu công nhận và họp thẩm định xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao. Xây dựng chương trình phát triển du lịch nông thôn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 2021-2025. Hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận xã nông thôn mới, NTM nâng cao.

Phối hợp các Sở, ban ngành và địa phương tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện xây dựng NTM đối với tất cả các xã, huyện đăng ký đạt các chuẩn theo kế hoạch năm 2021 để có biện pháp hỗ trợ kịp thời nhằm thực hiện đạt chỉ tiêu đề ra.

b) *Kinh tế hợp tác*: Phối hợp địa phương xác định nhu cầu thành lập mới, hỗ trợ củng cố HTX; tổ chức 21 lớp tập huấn củng cố, thành lập mới tổ hợp tác và HTX; 02 chuyên tham quan học tập kinh nghiệm; xây dựng kế hoạch nhân rộng mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới theo Quyết định số 445/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2021 - 2025; xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện việc hỗ trợ các HTX nông nghiệp tham gia mô hình HTX kiểu mới bền vững với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; tiếp tục triển khai Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND phối hợp với các Sở Ban ngành tỉnh và địa phương tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Tổng hợp ý kiến đóng góp và xây dựng dự thảo Đề án phát triển HTX gắn với chuỗi giá trị giai đoạn 2021 - 2025. Triển khai Đề án phát triển HTX gắn với chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025

c) *Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn*: Xây dựng Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm và Đề án phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2021 - 2025. Thông báo huyện Cầu Ngang về thực hiện thu hồi 50% vốn dự án Đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn xã Hiệp Mỹ Tây; xây dựng triển khai thực hiện dự án hỗ trợ sản xuất, đa dạng hóa sinh kế tại các xã ngoài Chương trình 30a và chương trình 135 (dự án hỗ trợ bò sinh sản); theo dõi và

tổng hợp tình hình sản xuất và tiêu thụ muối trên địa bàn tỉnh; xây dựng báo cáo tham luận về tình hình sản xuất muối trên địa bàn tỉnh.

d) *Bố trí dân cư*: Tiếp tục phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Càng Long và Châu Thành bồi hoàn, giải phóng mặt bằng 02 Dự án di dân xã Đại Phước, huyện Càng Long (giai đoạn 2), Dự án di dân ấp cồn Phụng xã Long Hòa, huyện Châu Thành.

e) *Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn*: Tiến hành khởi công xây dựng Công trình Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hiệp Hòa, huyện Cầu Ngang; thực hiện các bước tiếp theo trong việc hỗ trợ lắp đặt đồng hồ nước cho người dân trên địa bàn huyện Cầu Ngang; rà soát mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, đề xuất mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch cho người dân; duy trì hoạt động và khai thác 120 trạm cấp nước hiện có, lắp mới đồng hồ nước cho khoảng 800 hộ. Tiếp tục thực hiện các bước cổ phần hoá Trung tâm Nước sạch và VSMTNT theo lộ trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Công tác chuyên môn

Tiếp tục tổ chức tư vấn kỹ thuật trực tiếp cho người sản xuất trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; theo dõi các mô hình đã triển khai; phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện các phóng sự, tọa đàm, chuyên mục và bản tin thời sự về công tác khuyến nông. Kết hợp dự án ICRSL triển khai các mô hình trình diễn và tập huấn nhân rộng của năm 2020 còn tồn đọng; xây dựng Chương trình đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và thúc đẩy công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Đổi mới công tác khuyến nông, khuyến khích tối đa các doanh nghiệp đầu tư ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật phù hợp với cơ chế thị trường và đầu tư phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ hữu cơ, công nghệ số, công nghệ thông tin trong toàn bộ các khâu của chuỗi giá trị, kết nối đồng bộ với các ngành, lĩnh vực khác để hình thành nền sản xuất nông nghiệp thông minh, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, lao động, nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh và phát triển bền vững của ngành.

Phối hợp với Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi kiểm tra theo dõi, cập nhật tình hình xâm nhập mặn để vận hành công điều tiết nước phục vụ sản xuất; phối hợp với địa phương vận động người dân trực vớt lục bình để khơi thông dòng chảy, đồng thời đẩy nhanh tiến độ thi công nạo vét các tuyến kênh trực đáp ứng nhu cầu nguồn nước phục vụ sản xuất; thường xuyên kiểm tra các tuyến đê, kè bảo vệ bờ biển để tham mưu, đề xuất xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra. Hoàn chỉnh Đề án rà soát hệ thống công trình thủy lợi phục vụ phân vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong điều kiện biến đổi khí hậu. Tiếp tục triển khai Luật Thủy lợi và các văn bản dưới luật có liên quan; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động các công trình thủy lợi, củng cố, tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai; tổ chức tập huấn công tác phòng chống thiên tai hỗ trợ các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao 2021.

Tập trung triển khai, kiểm tra, giám sát và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất thuộc nguồn vốn phân bổ năm 2021 và vốn

kết dư năm 2020 chuyển sang. Đồng thời, triển khai thực hiện nhanh các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí năm 2021.

Tổ chức thanh, kiểm tra chuyên ngành ATTP trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và lấy mẫu sản phẩm để phân tích, kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất lượng và ATTP; thực hiện Chương trình giám sát VSATTP trong thu hoạch nghêu và Chương trình giám sát dư lượng chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi; tổ chức tập huấn kiến thức quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, và các đơn vị quản lý; thực hiện thanh, kiểm tra chuyên ngành ATTP, đồng thời thu mẫu sản phẩm để phân tích, kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất lượng và ATTP; thẩm định điều kiện ATTP và xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đăng ký; thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông sản, thủy sản và thông báo kết quả giám sát ATTP; hướng dẫn việc thực hiện các tiêu chí ATTP đối với các xã đăng ký nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao năm 2021.

Tiếp tục sản xuất, điều tiết và cung ứng giống cây trồng, giống vật nuôi đảm bảo chất lượng cung ứng cho nông dân trên địa bàn tỉnh.

Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kiểm soát giết mổ, kiểm dịch động vật, các hộ kinh doanh, buôn bán gỗ và các lâm sản khác, kết hợp thu các mẫu sản phẩm, hàng hóa để phân tích, kiểm tra chất lượng; tăng cường công tác phối hợp với Công an tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Y Tế, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác thanh tra chuyên ngành. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu. Tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động tháng 5 và kế hoạch công tác tháng 6 năm 2021 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT, Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh năm, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, VP.

Nguyễn
K. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Văn Đông

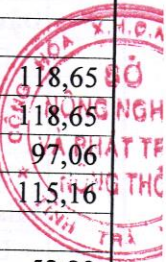
BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

THÁNG 5 NĂM 2021

(Tính đến ngày 15/5/2021)



Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2021	Thực hiện Tháng 5	Ước TH 5 tháng	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
	TRỒNG TRỌT		46.133	1.084.584		61.064		
	Cây hàng năm		223.044			389.114		
	Tổng DT gieo trồng	Ha	109.670	245.996	41.292	128.706	117,36	52,32
	Cây lương thực có hạt	Ha	81.406	198.146	37.461	102.003	125,30	51,48
1.	Cây lúa	Ha	81.406	194.346	37.324	99.758	122,54	51,33
b	Lúa mùa							
	- DT gieo sạ	ha	2.263			1.330	58,77	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2.214			1.330	60,07	
	- Năng suất	Tạ/ha	39,41			48,65	123,46	
	- Sản lượng	tấn	8.726			6.471	74,16	
c	Vụ Đông Xuân							
	- Diện tích xuống giống	Ha	60.456,98	50.346		59.734	98,80	118,65
	- Diện tích thu hoạch	Ha	43.919	50.346	12.569	59.734	136,01	118,65
	- Năng suất	Tạ/ha	48,80	66,00	67,96	64,06	131,27	97,06
	- Sản lượng	tấn	214.319	332.284	85.424	382.643	178,54	115,16
d	Vụ Hè Thu							
	- Diện tích	Ha	18.685,68	74.000	37.324	38.694	207,08	52,29
	- Năng suất	Tạ/ha		52,00				
	- Sản lượng	tấn		384.800				
e	Vụ Thu đông							
	- Diện tích	Ha		70.000				
	- Năng suất	Tạ/ha		52,50				
	- Sản lượng	tấn		367.500				
2.	Cây màu							
	Diện tích gieo trồng	Ha	28.265	51.650	3.968	28.948	102,42	56,05
	Diện tích thu hoạch	Ha	19.950	51.650	6.295	19.170	96,09	37,11
a	Màu lương thực		3.400	6.170	235	3.313	97,43	53,69
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2.227	3.800	136,7	2.244,70	100,82	59,07
	- Diện tích thu hoạch	"	1.688,23	3.800	737	1.712,00	101,41	45,05
	- Năng suất	Tạ/ha	52,50	55,00	52,10	52,70	100,38	95,82
	- Sản lượng	Tấn	8.863,2	20.900	3.842	9.022	101,79	43,17
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	655,90	1.250	52,8	596,30	90,91	47,70
	+ Diện tích thu hoạch	"	374,12	1.250	142	318,13	85,03	25,45
	+ Năng suất	Tạ/ha	161,32	162,00	163	163,32	101,24	100,81
	+ Sản lượng	Tấn	6.035	20.250	2.318	5.196	86,09	25,66
	Khoai mì							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	335,90	670	0,3	259,40	77,23	38,72
	+ Diện tích thu hoạch	"	159,00	670	54,3	117,42	73,85	17,53
	+ Năng suất	Tạ/ha	155,2	175,00	163	157	101,42	89,94
	+ Sản lượng	Tấn	2.468	11.725	885	1.848	74,90	15,76
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	181,60	450	44,8	212,20	116,85	47,16



Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2021	Thực hiện Tháng 5	Ước TH 5 tháng	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Diện tích thu hoạch	"	152,0	450	55	98,36	64,71	21,86
	+ Năng suất	Tạ/ha	153,40	156,00	163	157,40	102,61	100,90
	+ Sản lượng	Tấn	2331,68	7.020	898	1.548,19	66,40	22,05
b	Cây thực phẩm	Ha	15.923	31.980	2.554	16.424	103,14	51,36
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	15.591	31.500	2.501	16.117,75	103,38	51,17
	+ Diện tích thu hoạch	"	11.613	31.500	2.781	11.748,6	101,17	37,30
	+ Năng suất	Tạ/ha	226,30	225,00	227,9	227,60	100,57	101,16
	+ Sản lượng	Tấn	262.802	708.750	63.380	267.399	101,75	37,73
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	332,3	480	52,72	305,76	92,01	63,70
	+ Diện tích thu hoạch	"	130,0	480	49,25	97,25	74,81	20,26
	+ Năng suất	Tạ/ha	17,600	18,50	17,8	17,81	101,19	96,27
	+ Sản lượng	Tấn	229	888	88	173,20	75,70	19,50
c	Cây công nghiệp hàng năm		8.942	13.500	1.180	9.212	103,02	68,23
	Đậu phộng							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.647,6	4.500	231	3.650,50	100,08	81,12
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.982,0	4.500	1.790	2.979,6	99,92	66,21
	+ Năng suất	Tạ/ha	54,17	53,50	54,00	54,21	100,07	101,33
	+ Sản lượng	Tấn	16.153,5	24.075	9.665	16.152	99,99	67,09
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	1.194,7	1.200	436	1.226,60	102,67	102,22
	+ Diện tích thu hoạch	"	290,0	1.200	45	317,5	109,47	26,46
	+ Năng suất	Tạ/ha	952,5	1.000,00	905,60	953,70	100,13	95,37
	+ Sản lượng	Tấn	27.622,5	120.000	4.081	30.276	109,61	25,23
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.427,0	2.500	174	1.417,60	99,34	56,70
	+ Diện tích thu hoạch	"	749,3	2.500	463	756,4	100,95	30,26
	+ Năng suất	Tạ/ha	109	120,00	109	109	100,43	91,00
	+ Sản lượng	Tấn	8.147,1	30.000	5.049	8.260	101,39	27,53
	Cây trồng khác	"						
	+ Diện tích gieo trồng	ha	2.672,4	5.300	338	2.916,90	109,15	55,04
	+ Diện tích thu hoạch	ha	1.812,0	5.300	177	1.024,6	56,55	19,33
	+ Sản lượng	Tấn	51.435	375.000	11.061	65.933	128,19	17,58
B	LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha		63		22		34,92
	- Chăm sóc rừng	Ha		310		282		91,02
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha		329				
C	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	36.649	57.600	6.469	34.488	94,10%	59,88%
1.1	Nuôi nước ngọt	"	534,03	4.200	388,9	775	145,16%	18,46%
	- Diện tích nuôi cá	"	331	2.900	93	319	96,34%	11,00%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	2,39	60	-	7	293,72%	11,70%
	+ Cá lóc	"	88,62	430	30	93	105,45%	21,73%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	203	1.300	296	456	224,81%	35,09%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	203	1.300	296	456	224,81%	35,09%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	36.115	53.400	6.080	33.713	93,35%	63,13%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	35.912	51.500	6.080	33.263	92,62%	64,59%
	Trong đó: + Tôm sú	"	16.852	23.000	2.736	15.581	92,46%	67,74%

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2021	Thực hiện Tháng 5	Ước TH 5 tháng	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	3.585	9.500	810	3.483	97,15%	36,66%
	+ Cua biển	"	15.474	19.000	2.534	14.199	91,76%	74,73%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"	203	1.900	-	450	221,67%	23,68%
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	72.116	237.580	21.400	79.887	110,78%	33,63%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	39.749,0	158.200	15.232,2	48.034	120,84%	30,36%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	22.814	79.700	7.206	24.757	108,52%	31,06%
	- Sản lượng cá	"	21.898,33	77.300	7.118	24.172	110,38%	31,27%
	Trong đó: + Cá tra	"	1.482	6.000	280	1.651	111,40%	27,52%
	+ Cá lóc	"	15.336	48.300	5.764	17.980	117,25%	37,23%
	- Sản lượng giáp xác	"	916	2.400	87	585	63,89%	24,37%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	916	2.400	87	585	63,89%	24,37%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
4.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	16.935	78.500	8.027	23.277	137,45%	29,65%
	- Sản lượng tôm nuôi	"	16.714	76.300	8.013	22.587	135,14%	29,60%
	Trong đó: + Tôm sú	"	2.909	12.500	998	4.076	140,10%	32,61%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	12.127	56.800	6.370	16.453	135,67%	28,97%
	+ Nuôi cua biển	"	1.678	7.000	645	2.059	122,69%	29,41%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	221	2.200	14	690	312,17%	31,36%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	32.367	79.380	6.168	31.853	98,41%	40,13%
4.2.1	Khai thác biển	Tấn	28.919	71.500	5.525	28.679	99,17%	40,11%
	- Sản lượng cá khai thác	Tấn	16.116	40.000	3.531	15.061	93,45%	37,65%
	- Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	2.411	6.000	749	2.400	99,57%	40,01%
	- SL hải sản khác khai thác	"	10.392	25.500	1.245	11.218	107,95%	43,99%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	3.448	7.880	643	3.174	92,05%	40,28%
	- Sản lượng cá các loại	"	743	1.850	237	914	122,95%	49,39%
	- Sản lượng tôm các loại	"	347	630	101	447	128,92%	70,97%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	2.359	5.400	306	1.814	76,90%	33,59%
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm sú</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	14.422		2.793	14.153	98,13%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	1.465		463	1.219	83,21%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	16.852		2.736	15.581	92,45%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	678		225	539	79,46%	
	- Số con giống thả nuôi	riệu co	1.074		179	960	89,35%	
	- Số con giống bị thiệt hại	riệu co	106		30	105	99,34%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	9,8		16,9	10,9	111,18%	
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	9.835		2.468	10.934	111,17%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	2.013		428	1.420	70,54%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	3.585		810	3.484	97,17%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	653		121	388	59,42%	
	- Số con giống thả nuôi	riệu co	2.237		659	2.808	125,52%	
	- Số con giống bị thiệt hại	riệu co	497		98	318	64,02%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	22		14,9	11,3		